

V.	Phòng học	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số				Công lập				Tư th	
				Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Tổng số	Kiên cố
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5.1.	Phòng học	phòng	128	16	16			16	16				
5.2.	Phòng học nhờ, mượn	phòng	129										
5.3.	Phòng phục vụ học tập	phòng	130	6	6			6	6				
	Trong đó:												
	- Thư viện	phòng	131	2	2			2	2				
	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng	132	1	1			1	1				
	- Phòng tin học	phòng	133	1	1			1	1				
	- Phòng ngoại ngữ	phòng	134	1	1			1	1				
	- Phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	135										
	- Phòng âm nhạc	phòng	136	1	1			1	1				
	- Phòng GD rèn luyện thể chất/nhà đa năng	phòng	137										
	- Phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập	phòng	138										
5.4.	Phòng khác												
	- Phòng truyền thống	phòng	139	1	1			1	1				
	- Phòng Y tế học đường	phòng	140	1	1			1	1				

Người lập biểu
Ký tên

....., ngày..... tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
Ký tên và đóng dấu

ục	
Bán kiên cố	Tạm
11	12